

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên) - NGUYỄN THỊ LY KHA (Chủ biên)  
PHẠM VĨNH LỘC - NGUYỄN LƯƠNG HẢI NHƯ - PHẠM THỊ KIM OANH  
VŨ MINH TÂM - NGUYỄN XUÂN TÙNG

# Tiếng Việt

## Sách giáo viên



### TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

# MỤC LỤC

Trang

## PHẦN MỘT – HƯỚNG DẪN CHUNG

|                                                                |    |
|----------------------------------------------------------------|----|
| <b>I. Những vấn đề chung</b>                                   | 5  |
| <b>II. Hướng dẫn dạy học các kiểu bài</b>                      | 9  |
| 1. Kiểu bài dạy học âm vần mới                                 | 10 |
| 2. Kiểu bài dạy học thực hành (phần học âm vần)                | 15 |
| 3. Kiểu bài dạy học ôn tập âm vần                              | 17 |
| 4. Kiểu bài dạy học kể chuyện                                  | 20 |
| <b>III. Một số điểm lưu ý khi tổ chức hoạt động dạy học</b>    | 22 |
| <b>1. Dạy nói – nghe</b>                                       | 22 |
| 1.1. Dạy nói – nghe kết nối với bài học                        | 23 |
| 1.2. Dạy nói – nghe theo nghi thức giao tiếp                   | 23 |
| 1.3. Dạy hỏi – đáp tương tác                                   | 25 |
| 1.4. Dạy mở rộng vốn từ và phát triển lời nói                  | 26 |
| 1.5. Dạy nghe – nói trong kể chuyện                            | 27 |
| <b>2. Dạy đọc</b>                                              | 30 |
| 2.1. Dạy đọc lưu loát                                          | 30 |
| 2.2. Dạy đọc hiểu                                              | 31 |
| 2.3. Dạy đọc mở rộng                                           | 33 |
| <b>3. Dạy viết</b>                                             | 34 |
| 3.1. Dạy tập viết                                              | 34 |
| 3.2. Dạy chính tả                                              | 35 |
| 3.3. Dạy viết câu                                              | 37 |
| <b>4. Tổ chức hoạt động mở rộng</b>                            | 38 |
| <b>5. Dạy học Tiếng Việt 1 cho học sinh dân tộc ít người</b>   | 39 |
| <b>6. Dạy học Tiếng Việt 1 cho học sinh có khó khăn về đọc</b> | 45 |

|                                                                             |    |
|-----------------------------------------------------------------------------|----|
| <b>IV. Kiểm tra, đánh giá</b>                                               | 52 |
| 1. Kiểm tra, đánh giá năng lực, phẩm chất                                   | 52 |
| 2. Hình thức và phương pháp kiểm tra, đánh giá năng lực                     | 53 |
| <b>V. Một vài nội dung khác</b>                                             | 54 |
| 1. Bảng chữ cái và tên gọi                                                  | 54 |
| 2. Hướng dẫn dạy viết chữ số và viết chữ thường                             | 55 |
| 3. Nội dung chương trình môn Tiếng Việt lớp 1                               | 67 |
| 4. Bảng phân bố tiến trình rèn luyện các kĩ năng<br>(Tiếng Việt 1, tập một) | 70 |

## PHẦN HAI – HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

|                                           |                        |     |
|-------------------------------------------|------------------------|-----|
| <i>Chủ đề 1</i>                           | Những bài học đầu tiên | 78  |
| <i>Chủ đề 2</i>                           | Bé và bà               | 96  |
| <i>Chủ đề 3</i>                           | Đi chợ                 | 113 |
| <i>Chủ đề 4</i>                           | Kì nghỉ                | 131 |
| <i>Chủ đề 5</i>                           | Ở nhà                  | 149 |
| <i>Chủ đề 6</i>                           | Đi sở thú              | 167 |
| <i>Chủ đề 7</i>                           | Thể thao               | 185 |
| <i>Chủ đề 8</i>                           | Đồ chơi – trò chơi     | 204 |
| <i>Chủ đề 9</i>                           | Vui học                | 222 |
| <i>Chủ đề 10</i>                          | Ngày chủ nhật          | 240 |
| <i>Chủ đề 11</i>                          | Bạn bè                 | 259 |
| <i>Chủ đề 12</i>                          | Trung thu              | 278 |
| <i>Chủ đề 13</i>                          | Thăm quê               | 297 |
| <i>Chủ đề 14</i>                          | Lớp em                 | 315 |
| <i>Chủ đề 15</i>                          | Sinh nhật              | 332 |
| <i>Chủ đề 16</i>                          | Ước mơ                 | 351 |
| <i>Chủ đề 17</i>                          | Vườn ươm               | 369 |
| <i>Chủ đề 18</i>                          | Những điều em đã học   | 388 |
| <b>Hướng dẫn ra đề kiểm tra, đánh giá</b> |                        | 392 |

## LỜI TÁC GIẢ

**Các thầy cô giáo kính mến!**

**Sách giáo viên Tiếng Việt 1** là tài liệu hướng dẫn giảng dạy kèm theo sách học sinh, vở bài tập **Tiếng Việt 1** thuộc bộ sách Chân trời sáng tạo. Sách được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án dạy học các bài trong sách học sinh **Tiếng Việt 1** theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn mới cấp Tiểu học.

**Sách giáo viên Tiếng Việt 1** gồm hai tập tương ứng với hai tập của sách học sinh.

Ở tập một, các tác giả trình bày một số vấn đề chung như quan điểm biên soạn, những điểm mới của sách giáo khoa Tiếng Việt 1, hướng dẫn dạy học các kiểu bài ở tập một, một số lưu ý khi tổ chức các hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá, và gợi ý giảng dạy tất cả các bài học âm vần của sách học sinh tập một. Cuối tập một, các tác giả trình bày các phương án ôn tập và kiểm tra đánh giá năng lực Tiếng Việt của học sinh vào thời điểm cuối học kì.

Ở tập hai, trong phần hướng dẫn chung, các tác giả trình bày gợi ý dạy học kiểu bài luyện tập tổng hợp và một số lưu ý khi tổ chức các hoạt động dạy học gắn với phần luyện tập tổng hợp. Trọng tâm của tập hai là gợi ý giảng dạy các bài học vần của học kì II và tất cả các bài luyện tập tổng hợp. Cuối sách là các phương án ôn tập, kiểm tra đánh giá năng lực Tiếng Việt của học sinh lớp 1.

Ngoài những phần chính như vừa nêu, ở cả hai tập còn có một vài phụ lục để giúp các thầy cô thuận lợi hơn khi giảng dạy và sử dụng sách, như Bảng chữ cái và tên gọi; Chương trình Tiếng Việt 1; Hướng dẫn dạy viết chữ số và viết chữ thường (tập một), Hướng dẫn dạy viết chữ hoa (tập hai).

Để tăng tính chủ động cho các thầy cô trong giảng dạy, các bài hướng dẫn cụ thể được các tác giả biên soạn theo hướng những thiết kế có tính gợi ý nêu một vài phương án để thầy cô lựa chọn. Bên cạnh đó, sách cũng nêu một số lí giải từ góc độ Việt ngữ học và giáo dục ngôn ngữ cho người bản ngữ cho việc lựa chọn các phương án dưới dạng các cuộc chú. Ngoài ra, sách cũng còn trình bày một vài phương án dạy học cho học sinh học ngôn ngữ thứ hai, học sinh có nhu cầu đặc biệt học hoà nhập bên cạnh phương án dạy học đại trà dưới dạng một vài gợi ý thêm.

Cùng với Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các tác giả đã hết sức cố gắng để có được một tài liệu hướng dẫn giảng dạy môn Tiếng Việt cho HS lớp 1 khả thi, chất lượng, hiệu quả. Tuy vậy, cuốn sách chắc vẫn khó tránh khỏi thiếu sót. Các tác giả mong nhận được những góp ý quý báu từ các thầy cô để sách được hoàn thiện hơn trong những lần in sau.

**Các tác giả**

## I. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

Sách giáo viên (SGV) *Tiếng Việt 1*, bộ sách *Chân trời sáng tạo* được biên soạn với mục đích giới thiệu một phương án dạy học các bài trong sách học sinh (SHS)<sup>1</sup> *Tiếng Việt 1* theo Chương trình giáo dục phổ thông (GDPT) 2018 môn Ngữ văn cấp Tiểu học.

Ở phần *Hướng dẫn chung*, SGV nêu những vấn đề có tính chất chung như *quan điểm biên soạn, những điểm mới của sách, cấu trúc sách và các bài học* trước khi trình bày các phương án dạy học cho từng dạng bài.

### 1. QUAN ĐIỂM BIÊN SOẠN

Nhóm tác giả quan niệm sách giáo khoa (SGK) *Tiếng Việt* cần dạy học ngôn ngữ thông qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong ngữ cảnh tự nhiên, gần gũi với đời sống thực; hấp dẫn đối với học sinh (HS), khơi gợi được hứng thú của HS qua ngữ liệu và cách khai thác ngữ liệu phù hợp.

Quan điểm giao tiếp và quan điểm tích hợp là hai quan điểm biên soạn được nhóm tác giả SGK *Tiếng Việt* thuộc bộ sách *Chân trời sáng tạo* tuân thủ. Nhóm tác giả quan niệm SGK *Tiếng Việt* cấp tiểu học nói chung và sách *Tiếng Việt 1* nói riêng cần đảm bảo: (1) Sự phù hợp giữa chương trình, SGK với cách thức học tập, khả năng tham gia hoạt động học tập của HS; (2) Sự phù hợp với các đặc tính cá nhân của HS khi tham gia vào quá trình dạy học ngôn ngữ; (3) Việc tạo môi trường ngôn ngữ chân thật giúp HS hình thành và phát triển năng lực đọc, viết, nói và nghe.

#### a. Quan điểm giao tiếp

Để đảm bảo quan điểm giao tiếp trong việc biên soạn, nhóm tác giả biên soạn SGK *Tiếng Việt 1* tuân thủ 6 vấn đề sau:

- (1) Tập trung hình thành năng lực giao tiếp tiếng Việt cho HS.
- (2) Tổ chức các hoạt động đọc, viết, nghe nói có mục đích giao tiếp.
- (3) Tổ chức bài học thành chuỗi hệ thống hoạt động/ bài tập.
- (4) Dạy học các kĩ năng ngôn ngữ gắn liền ngữ cảnh chân thực với HS.

<sup>1</sup> Khi xét trong hệ thống với SGV, vở bài tập, vở tập viết, sách giáo viên sẽ được gọi là sách học sinh (SHS).

- (5) Công nhận, khai thác, vận dụng kinh nghiệm ngôn ngữ, xã hội của HS.
- (6) Ưu tiên việc dạy ý nghĩa của ngôn từ hơn việc dạy cấu trúc, hình thức ngôn ngữ.

### *b. Quan điểm tích hợp*

Để đảm bảo quan điểm tích hợp trong việc biên soạn, nhóm tác giả biên soạn SGK *Tiếng Việt 1* tuân thủ 5 vấn đề sau:

1. Tích hợp dạy học 4 kỹ năng đọc, viết, nói và nghe.
2. Tích hợp dạy ngôn ngữ và dạy văn chương nhằm bồi dưỡng các phẩm chất, năng lực sử dụng ngôn ngữ.
3. Tích hợp dạy các giá trị văn hoá, giáo dục, phát triển nhân cách.
4. Tích hợp phát triển ngôn ngữ và tư duy.
5. Tích hợp dạy Tiếng Việt với các môn học và hoạt động giáo dục khác (Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục, Hoạt động trải nghiệm, Hoạt động giáo dục Thể chất, Giáo dục địa phương,...).

## **2. NHỮNG ĐIỂM MỚI**

a. SGK *Tiếng Việt 1* tạo điều kiện để giáo viên (GV) tổ chức dạy học và phát triển các kỹ năng ngôn ngữ cho HS trên cùng một ngữ liệu nguồn. Đó là từ bài đọc, trên cơ sở bài đọc, năng lực ngôn ngữ của HS được rèn luyện và phát triển.

b. SGK *Tiếng Việt 1* tạo cơ sở để GV hướng dẫn HS rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; sách tạo điều kiện để GV sử dụng phương pháp dạy học đa giác quan – phương pháp dạy học giúp HS tiếp nhận kiến thức, rèn luyện kỹ năng bằng nhiều kênh khác nhau, như thị giác, thính giác, xúc giác. Nhờ đó, HS tiếp nhận kiến thức và phát triển các kỹ năng có hiệu quả hơn.

c. SGK *Tiếng Việt 1* liên kết các thể loại văn bản trong trục chủ đề của bài học. Chủ đề chi phối các thể loại bài đọc cũng như định hướng và chi phối các hoạt động rèn luyện và phát triển các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe.

d. SGK *Tiếng Việt 1* gia tăng tỉ lệ các văn bản thông tin với hai thể loại cơ bản, có tính nền tảng và phù hợp với đặc điểm tâm lí nhận thức của HS: văn bản thông tin khoa học thường thức; văn bản giới thiệu về một sự vật, hiện tượng. Ngoài ra, có một số bài đọc là văn bản hướng dẫn. Sách cũng chú ý tới việc tích hợp dạy đọc, viết, nói và nghe với dạy các môn học khác trong chương trình, như Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Tự nhiên và Xã hội,...

e. SGK *Tiếng Việt 1* thiết kế các bài học theo dạng hoạt động. Theo đó, các bài học đều bắt đầu bằng hoạt động nói và nghe giúp HS khai thác kinh nghiệm ngôn ngữ, vốn sống để rút ra những nội dung liên quan đến bài học, đồng thời cảm nhận được ý nghĩa của việc đọc, viết; từ đó tự giác tham gia vào hoạt động đọc viết và vận dụng các điều đã

học ở bài học để nói, nghe, viết (sáng tạo). Quy trình khép kín và nâng cao này sẽ góp phần nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt, năng lực tư duy cho HS. Ngoài ra, sách cũng thể hiện hoạt động đọc mở rộng theo tiến trình, nhằm giúp GV có thể tổ chức các hoạt động hướng dẫn HS đọc mở rộng hiệu quả.

g. SGK *Tiếng Việt 1* xây dựng các chủ đề với những tên gọi gần gũi, thân thuộc với HS, lấy HS làm trung tâm, phát triển và mở rộng dần theo nguyên tắc đồng tâm; mỗi tuần là một chủ đề. Chẳng hạn các chủ đề ở học kì I: 1. *Những bài học đầu tiên*, 2. *Bé và bà*, 3. *Đi chợ*, 4. *Kì nghỉ*, 5. *Ở nhà*, 6. *Đi sở thú*, 7. *Thể thao*, 8. *Đồ chơi – trò chơi*, 9. *Vui học*,... Sang học kì II, những nội dung về bản thân HS, gia đình, quê hương, đất nước, thiên nhiên được tiếp tục mở rộng. Chẳng hạn *Những bông hoa nhỏ*, *Những người bạn đầu tiên*, *Mẹ và cô*, *Biển đảo yêu thương*, *Làng quê yên bình*, *Phố xá nhộn nhịp*, *Chúng mình thật đặc biệt*,... Qua các bài học, các nội dung giáo dục về sự chia sẻ, về những nét đẹp của văn hoá, phong tục tập quán phần nhiều được bố trí gần hoặc trùng với các dịp lễ tết, với các hoạt động văn hoá, giáo dục (*Lớp em được học vào dịp 20/11*, *Tết quê em được học vào dịp tết Nguyên đán*; *Mẹ và cô được học vào dịp 8/3*), v.v..

h. SGK *Tiếng Việt 1* chú trọng phát huy vai trò của kênh hình. Trong phần dạy học âm vần, sách dùng các biểu tượng đơn giản, dễ nhận biết để chỉ dẫn HS các hoạt động đọc, viết, nói, nghe. Sang phần luyện tập tổng hợp, tuy các câu lệnh đã thể hiện rõ nội dung hoạt động học tập, nhưng sách vẫn tiếp tục dùng biểu tượng để “phạm trù hoá” các hoạt động cụ thể vào từng kiểu loại kĩ năng giao tiếp: đọc, viết, nói và nghe, đồng thời làm tăng thêm tính hấp dẫn của sách đối với HS. Sách cũng thiết kế mô hình đánh vần thay cho khung phân tích tiếng để giúp cho việc học âm vần hiệu quả hơn, nhờ đó phát triển nhanh hơn kĩ năng đọc thành tiếng và tập viết, viết chính tả.

SGK *Tiếng Việt 1* được in với giấy chất lượng tốt, nhiều tranh ảnh được đầu tư công phu, nhờ vậy các trang sách có tính thẩm mỹ cao, gây hứng thú với HS.

Kèm SHS là SGV gồm giới thiệu chung về bộ sách, hướng dẫn dạy học các kiểu bài và các thiết kế (giáo án) hướng dẫn dạy học các bài cụ thể mà SHS đã hiện thực hoá, cụ thể hoá Chương trình. Đồng thời, SGK *Tiếng Việt 1* còn gồm vở tập viết (VTV), vở bài tập (VBT) và *sách đọc mở rộng* để giúp HS phát triển các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe.

### 3. CẤU TRÚC SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT 1, TẬP MỘT

Theo quy định của Chương trình GDPT 2018 môn Ngữ văn, SGK *Tiếng Việt 1* biên soạn cho 35 tuần thực học, tổng cộng 420 tiết; chia thành 2 tập:

– Tập một dành cho học kì I: 18 tuần, mỗi tuần 12 tiết, gồm 6 tuần học âm chữ (tuần 1 – 6), 11 tuần học vần (tuần 7 – 17), 1 tuần ôn tập, kiểm tra cuối học kì I (tuần 18).

– Tập hai dành cho học kì II: 17 tuần, mỗi tuần 12 tiết; gồm 2 tuần học vần (tuần 19 và tuần 20), 14 tuần “Luyện tập tổng hợp” và 1 tuần ôn tập, kiểm tra cuối học kì II (tuần 35).

### 3.1. Cấu trúc của mỗi chủ đề

Các chủ đề được sắp xếp theo đơn vị tuần và xuyên suốt trong tất cả các tuần học. Trừ tuần 1 được đặt tên *Những bài học đầu tiên*, tất cả các tuần còn lại, tên chủ đề chứa ít nhất một âm vần được học trong tuần, không có âm vần chưa học.

Tất cả các nội dung dạy học đọc, viết, nói, nghe và kể chuyện đều được kết nối theo chủ đề. Việc lấy chủ đề làm “đường dây kết nối” các hoạt động đọc, viết, nói và nghe trong suốt một tuần học làm cho bài học có định hướng về nội dung, góp phần giúp HS phát triển các kỹ năng giao tiếp thuận lợi hơn. Bên cạnh đó, các chủ đề đều được sắp xếp theo hướng lấy HS làm trung tâm, xoay quanh HS và mở rộng vốn sống cho HS.

Mỗi chủ đề đều gồm 5 bài học, trong đó có 4 bài học âm vần mới và 1 bài ôn tập – *kể chuyện*. Mở đầu mỗi tuần, HS được trao đổi, nói và nghe xung quanh tên gọi chủ đề (và quan sát tranh chủ đề, nếu có) để rèn kỹ năng tư duy, kỹ năng phỏng đoán, góp phần vào việc phát triển lời nói cho HS. Bốn bài học âm vần mới trong tuần là sự cụ thể hoá chủ đề, cung cấp kiến thức, rèn luyện phẩm chất và năng lực cho HS qua các hoạt động đọc, viết, nói và nghe. Bài ôn tập – kể chuyện cuối tuần giúp HS củng cố các kiến thức, kỹ năng được học trong tuần (kỹ năng đọc, viết, nói và nghe; kỹ năng nghe và kể chuyện; kỹ năng quan sát, phỏng đoán về nội dung câu chuyện qua việc đọc tên truyện và xem tranh).

### 3.2. Cấu trúc của các bài học

#### 3.2.1. Cấu trúc bài học âm vần mới

Mỗi bài học âm vần mới được học trong 2 tiết, gồm 4 bài liên tiếp được xếp theo từng nhóm âm vần. Bài học âm vần mới gồm 7 nội dung như sau:

(1) Tranh khởi động được đặt ở vị trí đầu tiên của mỗi bài. Tranh khởi động có nội dung phù hợp với chủ đề. Trong tranh có hình ảnh các sự vật, hiện tượng mà tên gọi của chúng là từ ngữ có tiếng chứa âm vần mới được học trong bài. Tranh khởi động giúp GV tổ chức cho HS nói về bài học, kích thích hứng thú của HS trong việc tiếp thu bài học về âm vần mới trong sự kết nối với bài học trước.

(2) Các âm vần được học và mô hình đánh vần tiếng ở dưới tranh khởi động.

(3) Các từ khoá kèm hình ảnh minh hoạ dùng cho HS đánh vần, đọc trơn.

(4) Mẫu chữ các âm, vần và chữ có âm vần mới dùng cho tập viết.

(5) Các từ ngữ ứng dụng kèm hình ảnh minh hoạ dùng luyện đọc, mở rộng vốn từ.

(6) Câu, đoạn, bài đọc ứng dụng dùng cho HS luyện đọc, củng cố âm vần được học.

Từ chủ đề 13 (tuần 13) *Thăm quê*, có câu hỏi về nội dung bài hoặc hỏi về chi tiết nào đó trong bài đọc nhằm hình thành và phát triển kỹ năng đọc hiểu cho HS.

(7) Hoạt động mở rộng (HĐMR) được xếp vào cuối mỗi bài học âm vần mới. Hoạt động này mang tính tích hợp nhằm giúp HS vận dụng những nội dung/ kỹ năng vừa học

trong bài với thực tế cuộc sống, với các kĩ năng và kiến thức của các môn học khác (mĩ thuật, âm nhạc,...), mở rộng hiểu biết về văn hoá, xã hội, khoa học. Qua HĐMR, HS được củng cố mở rộng về âm vần vừa được học một cách hiệu quả.

### 3.2.2. Cấu trúc bài ôn tập và kể chuyện

#### a. Ôn tập

Bài ôn tập được học trong 2 tiết, ôn tập lại các âm vần được học trong tuần, gồm:

(1) Danh sách và bảng ôn âm chữ (cho tuần học âm chữ) hoặc danh sách các vần (cho các tuần học vần) được học trong tuần.

(2) Bài đọc ứng dụng và câu hỏi đọc hiểu.

Các bài đọc ứng dụng đều có các từ ngữ có tiếng chứa âm vần được học trong tuần. Để giúp HS dễ nhớ vần được học, bài đọc dùng cho ôn vần từ tuần 8 đến hết tuần 20 đều được thể hiện dưới dạng thơ hoặc văn vần. Từ chủ đề 10 (tuần 10) *Ngày chủ nhật*, dưới bài đọc ứng dụng có câu hỏi về nội dung bài và hoặc hỏi về chi tiết nào đó trong bài nhằm hình thành và phát triển kĩ năng đọc hiểu cho HS.

(3) Cụm từ dùng cho tập viết.

❖ Ở bài ôn tập từ tuần 7, đều có nội dung luyện tập chính tả do GV tự thiết kế. Nội dung này được chứa sẵn trong VBT để GV chủ động dựa trên thực tế HS của lớp mình giảng dạy thiết kế bài tập rèn chính tả có quy tắc hoặc chính tả phương ngữ.

#### b. Kể chuyện

Bài *kể chuyện* dạy trong 1 tiết. Nội dung truyện liên quan với chủ đề được học. Bài kể chuyện gồm:

(1) Tên truyện: tên truyện thường có một, hai âm vần được học trong tuần, không chứa âm vần chưa học. (GV lưu ý điểm này khi thiết kế tiết dạy kể chuyện.)

(2) Tranh minh hoạ từng đoạn truyện kèm câu gợi ý/ câu hỏi/ cụm từ gợi ý. Theo tiến trình học tập của HS, phần gợi ý dưới từng tranh minh hoạ được lũy tiến theo thứ tự: câu gợi ý (tuần 1 – 11) → câu hỏi (tuần 12 – 17).

Kiểu bài *kể chuyện* ở SGK, tập một, chủ yếu là kiểu bài nghe kể; có một số bài được thiết kế dạng xem – kể dưới dạng yêu cầu *xem tranh, trả lời câu hỏi*, VD: chủ đề 12 *Trung thu*, truyện *Sự tích chú cuội cung trăng*; chủ đề 13 *Thăm quê*, truyện *Lần đầu qua cầu khi*,....

## II. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC KIỂU BÀI

Ở phần *Hướng dẫn dạy học các kiểu bài*, sách giới thiệu một phương án để GV tham khảo cho việc dạy học các kiểu bài dạy học âm chữ, học vần; kiểu bài luyện tập tổng hợp sẽ được giới thiệu ở SGK *Tiếng Việt*, tập hai.

Các kiểu bài ở phần dạy học âm vần ở tài liệu này được phân chia theo nội dung như: *Học âm vần mới, Thực hành, Ôn tập âm vần và Kể chuyện.*

Mục tiêu bài học là kết quả HS đạt được trong và sau mỗi bài học. Vì vậy, các mục tiêu của từng bài học, tiết học được trình bày trong các bài soạn của cuốn sách này được tác giả biên soạn thiết kế theo *yêu cầu cần đạt về kiến thức, kỹ năng đọc, viết, nói và nghe* cho HS mà *Chương trình GDPT* môn Ngữ văn mới (phần Tiếng Việt lớp 1), Bộ GD & ĐT đã nêu. Vì vậy, bên cạnh dựa vào các bài học ở SHS, dựa vào chương trình, GV sẽ *cần dựa trên thực tế phẩm chất, năng lực của HS để có thể linh hoạt điều chỉnh mục tiêu* sao cho phù hợp với HS lớp mình giảng dạy. Chẳng hạn, nếu thực tế HS trên mức chuẩn tối thiểu, thì GV sẽ nâng mục tiêu; nếu HS chưa đạt chuẩn tối thiểu, GV sẽ tìm cách điều chỉnh để giúp HS đạt chuẩn tối thiểu.

Để thuận tiện cho GV, phần mục tiêu bài học sẽ được thiết kế theo dạng mục tiêu hoạt động là chính. Các mục tiêu sẽ được đánh số thứ tự. Về cơ bản, thứ tự của các mục tiêu tương ứng với thứ tự của các hoạt động, trừ hai mục tiêu cuối cùng. Hai mục tiêu cuối cùng đề cập đến nội dung phát triển năng lực và rèn luyện phẩm chất cho HS. Vì vậy, hai mục tiêu này được tích hợp trong các hoạt động để đạt các mục tiêu được trình bày trước đó<sup>1</sup>.

## Kiểu bài dạy học âm vần mới

Kiểu bài dạy học âm vần mới được sắp xếp liên tục 4 bài/ tuần; mỗi bài 2 tiết. Dưới đây là một gợi ý dưới dạng hướng dẫn chung cho kiểu bài dạy học âm vần mới.

### I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Từ kinh nghiệm xã hội, ngôn ngữ của bản thân, nói về bài học:
  - Trao đổi với bạn về sự vật, hoạt động được tên chủ đề (hoặc tranh chủ đề, nếu có) gợi ra, sử dụng được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong các bài học thuộc chủ đề.
  - Quan sát tranh khởi động, trao đổi với bạn về các sự vật, hoạt động, trạng thái được vẽ trong tranh có tên gọi có tiếng chứa âm vần được học trong bài.
2. Nhận diện sự tương hợp giữa âm vần và chữ được học; nhận diện cấu tạo tiếng, đánh vần đồng thanh lớn và ghép tiếng đơn giản chứa âm vần được học.
3. Viết đúng âm vần và tiếng có âm vần được học.
4. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng có âm vần được học, hiểu nghĩa của các từ ngữ đó; đọc câu, đoạn ứng dụng và hiểu được nghĩa của câu, đoạn ứng dụng.

<sup>1</sup> Cách viết mục tiêu theo hoạt động nhằm tránh tình trạng trùng lặp trong diễn đạt mà những cách viết mục tiêu khác khó tránh được. Ngoài ra, cách viết này giúp người đọc thấy được trình tự các hoạt động trong một bài dạy học.

5. Nói được câu có từ ngữ chứa tiếng có âm vần được học có nội dung liên quan với bài học.

6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm, năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo qua hoạt động đọc, viết.

7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết, rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

## II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- SHS, VTV, VBT, SGV.
- Thẻ từ (in thường, in hoa, viết thường).
- Một số tranh ảnh, mô hình hoặc vật thật dùng minh hoạ kèm theo thẻ từ (nếu có).
- Bảng phụ dùng ghi các nội dung cần rèn đọc.
- Tranh chủ đề (nếu có).
- Video clip về các nội dung liên quan với bài học (nếu có).

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ổn định lớp và kiểm tra bài cũ

– HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí có nội dung liên quan với chủ đề (Ưu tiên trò chơi hoặc hoạt động giải trí có cài đặt âm vần được học và liên quan với chủ đề; GV có thể tổ chức hoặc không.).

– HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ, nói câu có tiếng chứa vần được học ở bài trước.

❖ **Lưu ý:** Khi kiểm tra, đánh giá, cần nhận xét kết quả học tập của HS theo hướng tích cực, cụ thể, đánh giá tiến trình, VD: *Con đã đọc tốt hơn rồi!*, *Con rất chăm chỉ.*, *Con đã viết đúng và đẹp hơn.*, *Con cần cố gắng hơn nhé!*; tránh nhận xét tiêu cực hoặc chung chung như: *Sai, bạn nào giúp bạn?*, *Tốt.*, *Rất giỏi.*, *Đáng khen.*, v.v.. Mặt khác, cần đánh giá thường xuyên bằng lời, không đánh giá bằng điểm số.

Tránh lạm dụng bảng cài vì vừa lãng phí thời gian vừa không tạo điều kiện luyện viết chữ.

### 2. Khởi động

– HS mở SGK<sup>1</sup>.

– HS lắng nghe GV giới thiệu tên bài hoặc tên chủ đề, quan sát GV viết tên bài/ tên chủ đề (trong sự kết nối với bài học trước, chủ đề trước; HS có thể đánh vần tên chủ đề/ tìm đọc âm vần đã học).

<sup>1</sup> Trong một hai tuần đầu tiên, GV lưu ý nhắc HS ngồi đúng tư thế, đặt sách đúng chiều hướng, khoảng cách.

– HS nêu được một số từ khoá sẽ xuất hiện trong chủ đề mà tên chủ đề (và tranh chủ đề, nếu có) có thể gợi ra (theo gợi ý của GV).<sup>1</sup>

– HS quan sát tranh khởi động, trao đổi, nói ra những từ ngữ chứa tiếng có âm vần được học (GV có thể sử dụng một số câu hỏi gợi ý như: “Tranh vẽ ai/ con gì/ cái gì?”, “Họ/ nó đang làm gì?”, “Họ/ nó thế nào?”).

– HS nêu các tiếng đã tìm được.

– HS tìm điểm giống nhau giữa các tiếng đã tìm được. VD: *cà, cò, cô* – chung âm đầu; *bàn, đàn, sà, lan* – chung vần.

– HS phát hiện âm vần mới sẽ học.

– HS lắng nghe GV giới thiệu bài học và quan sát chữ ghi tên bài.

### 3. Nhận diện âm vần mới, tiếng có âm vần mới

#### 3.1. Nhận diện âm vần mới

– HS quan sát chữ ghi âm vần mới (nếu phần âm chữ sẽ thêm chữ in hoa).

– HS đọc chữ ghi âm vần mới.

#### 3.2. Nhận diện và đánh vần mô hình tiếng

– HS quan sát mô hình đánh vần tiếng.

– HS phân tích tiếng <sup>2</sup> (phần vần: phân tích tiếng đại diện).

– HS đánh vần tiếng theo mô hình.

– HS đánh vần thêm tiếng khác (*phần này dùng cho phần học vần*).

### 4. Đánh vần tiếng khoá, đọc trơn từ khoá

– HS phát hiện từ khoá, âm/ vần mới trong tiếng khoá.

– HS đánh vần tiếng khoá và đọc trơn tiếng khoá.

– HS đọc trơn từ khoá.

#### ❖ Lưu ý:

(1) GV chú ý hướng dẫn cho HS sử dụng sách khi học, tránh trường hợp chỉ cho HS nhìn bảng hoặc nhìn bài đọc qua trình chiếu PowerPoint. Vì sử dụng sách, đọc sách cũng chính là một kỹ năng mà GV cần hướng dẫn, cần rèn luyện cho HS.

(2) Khi hướng dẫn đánh vần tiếng, cần hướng dẫn HS đánh vần theo âm, không dùng tên chữ cái. VD: Đánh vần tiếng *học*, tiếng *bài* phải đánh vần *hờ-óc-hóc-nặng-học*, *bờ-ai-bai-huyền-bài*; không đánh vần <sup>3</sup>*hát-óc-hóc-nặng-học*; *\*bê-ai-bai-huyền-bài*. Hướng

<sup>1</sup> Hai hoạt động vừa nêu chỉ tiến hành với bài 1 của mỗi chủ đề.

<sup>2</sup> Lưu ý: Nếu phân tích tiếng sẽ gọi âm và thanh, nếu phân tích chữ thì sẽ gọi chữ “chữ ghi âm” và “dấu ghi thanh”.

<sup>3</sup> Dấu \*dùng đặt trước những kết hợp không được chấp nhận.

dẫn theo trình tự: âm đầu – vần – thanh; VD: Đánh vần tiếng mẹ, tiếng sữa phải đánh vần: *mờ-e-me-nặng-mẹ, sờ-ư-ư-sưa-ngã-sữa*.

(3) Ở những trường hợp đặc biệt như *kể, giỏ* và *au, ay, anh, ach*

Nếu đánh vần theo âm một cách nhất quán sẽ là *cờ-e-ke-hỏi-kể, dờ-o-do/gio-hỏi-giỏ, á-u-au, á-y-ay, e-ngờ-anh, e-cờ-ách*.

Nếu đánh vần theo chữ sẽ là *ca-e-ke-hỏi-kể, di-o-gio-hỏi-giỏ, a-u-au, a-y-ay, a-nhờ-anh, a-chờ-ach*. Tùy vào thực tế dạy học, GV có thể chọn cách đánh vần theo âm ❶ hoặc theo chữ ❷ miễn là phù hợp với tình hình lớp học, thuận tiện cho GV trong dạy học chính tả và dạy học đọc. Tuy nhiên chọn cách nào, GV cần thông báo cho phụ huynh ngay từ đầu năm học để có sự thống nhất giữa việc dạy học ở lớp của GV và việc hỗ trợ cho con em học tập ở nhà của phụ huynh.

(4) Với những HS có thể đọc trơn, GV không buộc HS đó đánh vần.

(5) Nếu HS có khó khăn về đọc hoặc HS chậm, GV có thể cho HS đánh vần lại phần vần rồi ghép với âm đầu, VD: *ư-a-ư-sờ-ư-sưa-ngã-sữa, a-nờ-an-bờ-an-ban-huyền-bàn*.

(6) Khi hướng dẫn HS đọc âm chữ, chỉ hướng dẫn phát âm một vài âm mà HS thường đọc sai do ảnh hưởng phương ngữ (và kiểu phát âm đó “bị xem là lỗi”, như *r, tr, ph, l* đọc thành *g, t, h, n*). Với những trường hợp vừa nêu, GV có thể lưu ý HS: khi đọc bài và khi nói năng ngoài gia đình thì nên dùng kiểu phát âm đúng. Ngoài ra, GV cũng không nên hướng dẫn, phân tích cấu âm của tất cả các âm, kiểu như “\* Khi phát âm âm *b* (*bờ*) phải mím môi, phát âm âm *o* (*o*) phải tròn môi, ...”.

Với những tiếng có “âm muộn”<sup>1</sup>, VD: dạy âm chữ *th, kh, ph*, GV có thể:

– Chú ý hướng dẫn cho HS phát âm, đọc tiếng, từ ngữ có *th, kh, ph* (số HS lớp 1 phát âm *th, kh* thành *h, x* hoặc “mất” *th, kh* khá nhiều).

– Một số HS vùng phương ngữ Nam có thể có ảnh hưởng phương ngữ – phát âm *kh* thành *ph*.

– Nếu trong lớp có những HS thuộc một hoặc cả hai nhóm vừa nêu, GV cần có kế hoạch (kết hợp với phụ huynh) hướng dẫn HS từ nghe đúng đến phát âm đúng, nói đúng, đọc đúng; từ phát âm, nói, đọc từ đơn đến phát âm nói, đọc từ phức, cụm từ, câu có tiếng chứa âm *kh*, VD: *khế, cá kho khế, Chị Khê mua khế về kho cá, ...*<sup>2</sup>

(7) Nếu lớp có HS phát âm sai những âm không do cấu tạo phức tạp, cũng không do ảnh hưởng phương ngữ, VD: HS phát âm sai âm *b, m, c*, GV cần trao đổi với phụ huynh để có chiến lược và biện pháp **chỉnh âm riêng** cho HS đó: từ nghe đúng đến phát âm

<sup>1</sup> Âm muộn thường được hiểu là những âm mà phần lớn số trẻ phải đến độ tuổi nào đó (thường sau 3 tuổi) mới phát âm đúng, VD các âm **th, kh, tr**. Đối lập với nó là nhóm “âm sớm”, là những âm trẻ có thể phát âm đúng ngay từ khi còn nhỏ tuổi (dưới 3 tuổi), VD các âm **b, m**.

<sup>2</sup> Nguyễn Thị Ly Kha và các tác giả khác (2015), *Xây dựng hệ thống bài tập chỉnh âm cho trẻ 3 – 9 tuổi tại Thành phố HCM bị khe hở môi, vòm hầu*, Sở Khoa học Công nghệ TP.HCM, ĐHSPTP.HCM; đã nghiệm thu, loại xuất sắc.

đúng, nói đúng, đọc đúng; từ phát âm, nói, đọc từ đơn đến phát âm nói, đọc từ phức, cụm từ, câu có tiếng chứa âm mà HS phát âm sai.

(8) GV cần sử dụng đúng thuật ngữ, VD: *thanh* và *dấu ghi thanh*, nếu đọc/ nói thì gọi là “*thanh*”, còn viết thì phải gọi là “*dấu*” (“*Tiếng để mang thanh sắc*”; “*Chữ để có dấu sắc trên đầu chữ ê*”); hoặc hỏi: “Chữ này (d) đọc là gì?” (*dờ*), không hỏi: “Chữ này là chữ gì?”.

## 5. Tập viết

### 5.1. Viết vào bảng con

#### a. Viết chữ/ vần

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của *chữ/ vần*.
- HS viết chữ/ vần vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

#### b. Viết tiếng khoá

- HS quan sát cách GV viết và phân tích cấu tạo của chữ ghi tiếng khoá (gồm những chữ nào, vị trí, dấu thanh, nếu có).
- HS viết chữ ghi tiếng khoá vào bảng con.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.

### 5.2. Viết vào vở tập viết

- HS viết chữ ghi âm/ vần, từ khoá vào VTV.
- HS nhận xét bài viết của mình và bạn; sửa lỗi nếu có.
- HS tự chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả bài của mình.

**(c) Viết chữ số** (nội dung này được học trong tuần 1, 2: viết các số từ 1 đến 9 và số 0)

- HS đọc chữ số; quan sát cách GV viết và phân tích hình thức chữ viết của số sẽ viết.
- HS viết chữ số được học vào bảng con, nhận xét bài viết của mình và bạn.
- HS viết chữ số được học vào VTV, nhận xét bài viết của mình và bạn.

❖ **Lưu ý:** Nếu HS viết chậm, GV có thể cho HS luyện viết thêm vào buổi chiều, không bắt buộc tất cả HS phải viết “kín” VTV ngay trong buổi sáng.

## 6. Luyện tập đánh vần, đọc trơn

### 6.1. Đánh vần, đọc trơn các từ mở rộng, hiểu nghĩa các từ mở rộng

- HS đánh vần và đọc trơn các từ mở rộng chứa âm vần mới học.
- HS tìm hiểu nghĩa của các từ mở rộng (qua việc quan sát tranh minh hoạ trong SHS và hoặc qua ảnh/ vật thật; có thể cho HS nói 1, 2 câu với từ mở rộng).

- HS tìm thêm các từ có chứa âm vần mới.

## 6.2. Đọc câu, đoạn, bài và tìm hiểu nghĩa của câu, đoạn, bài ứng dụng

- HS nghe GV đọc mẫu, hướng dẫn nhớ chữ in hoa.
- HS tìm tiếng chứa âm chữ mới học có trong bài đọc.
- HS đánh vần một số từ khó đọc (nếu có) và đọc thành tiếng câu ứng dụng.
- HS tìm hiểu nghĩa của câu, đoạn, bài (GV sử dụng câu hỏi gợi ý).

### ❖ Lưu ý:

– Tổ chức cho HS đọc đồng thanh, đọc cá nhân: **không nên lạm dụng** việc đọc đồng thanh; cần tăng cường đọc cá nhân trong nhóm nhỏ; việc gọi HS đọc cá nhân trước lớp, chỉ tập trung gọi những HS chưa nắm vững âm vần; không nên gọi tuần tự 1/2 hoặc 1/3 lớp, vì cách làm này mất thời gian, kém hiệu quả do không đảm bảo đúng nguyên tắc dạy học phân hoá và cũng không khuyến khích, nhắc nhở HS cố gắng rèn luyện.

– Việc đánh vần đồng thanh lớn đến vừa, nhỏ; đọc thành tiếng theo các mức độ lớn, vừa, nhỏ, thầm, mấp máy môi, không mấp máy môi và đọc hiểu, GV không chỉ dựa vào yêu cầu của chương trình mà còn phải dựa vào thực tế năng lực của HS mà GV trực tiếp giảng dạy để xác định mục tiêu dạy học cũng như thiết kế giáo án cụ thể.

– GV cần hướng dẫn cho HS có ý thức về âm lượng đọc trong nhóm nhỏ và trước lớp (bằng cách vỗ tay để HS cảm nhận mức độ khác nhau của âm lượng).

- GV cần hướng dẫn và yêu cầu HS sử dụng SGK, tránh lạm dụng trang thiết bị.

## 7. Hoạt động mở rộng

- HS đọc câu lệnh (nếu bài có câu lệnh).
- HS quan sát tranh, phát hiện nội dung tranh (nếu bài có tranh ở HĐMR).
- HS xác định yêu cầu của HĐMR.
- HS thực hiện HĐMR.

## 8. Củng cố, dặn dò

- HS nhận diện lại tiếng, từ có âm vần mới học.
- HS đọc, viết thêm ở giờ tự học hoặc ở nhà (với HS học 1 buổi).
- HS biết chuẩn bị cho tiết học sau.

## Kiểu bài dạy học thực hành (phần Học âm vần)

Kiểu bài dạy học thực hành phân học âm vần được bố trí vào tiết thứ 9 ở mỗi tuần học.

Trọng tâm của tiết thực hành trên lớp: từ tuần 1 – 5: đọc lưu loát, đọc hiểu và mở rộng vốn từ; từ tuần 6 – 20 (trừ tuần 18): đọc lưu loát, đọc hiểu, bài tập điền hoàn thành câu.

Các bài tập dùng cho mở rộng vốn từ, bài tập chính tả,... GV sẽ lựa chọn bài tập ở VBT để hướng dẫn HS thực hiện hay tự thiết kế bài tập cho HS tùy vào thực tế lớp học và HS.

Sau đây là hướng dẫn kiểu bài dạy học thực hành:

## I. MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Kể đúng, đọc đúng các âm vần được học trong tuần.
2. Nhận diện đúng âm vần được học trong tiếng, từ.
3. Tập đọc nhanh tiếng có âm vần đã học, đọc được câu, đoạn, bài ứng dụng.
4. Nhận diện được quy tắc chính tả, chính tả phương ngữ<sup>1</sup>.
5. Hoàn thành được câu theo từ ngữ/ tranh minh họa đã cho.
6. Phát triển năng lực hợp tác qua việc thực hiện các hoạt động nhóm; phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo qua việc thực hiện các bài tập.
7. Rèn luyện phẩm chất chăm chỉ qua hoạt động tập viết (chữ); rèn luyện phẩm chất trung thực qua việc thực hiện các nội dung kiểm tra, đánh giá.

## II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- VBT, SHS, SGV.
- Bảng phụ ghi các từ ngữ, câu cần thực hành.

## III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### 1. Ôn định lớp và kiểm tra bài cũ

- HS tham gia trò chơi hoặc hoạt động giải trí (GV có thể tổ chức hoặc không.).
- HS đọc câu, đoạn; viết từ ngữ; nói câu có chứa tiếng có âm vần mới được học trong tuần.

### 2. Luyện tập đánh vần, đọc trơn, tìm hiểu nội dung bài đọc

Từ chủ đề 1 đến chủ đề 5, tiết thực hành tập trung vào hai nội dung sau:

- Luyện đọc.
- Tìm hiểu nội dung câu/ đoạn (thông qua bài tập nối về câu).

Từ chủ đề 6 đến chủ đề 17, tiết thực hành tập trung vào hai nội dung sau:

- Luyện đọc.
- Hoàn thành câu.

<sup>1</sup> Mục tiêu nhận diện hiện tượng chính tả có quy tắc, chính tả phương ngữ tùy thuộc vào nội dung của tuần, giai đoạn.